

# DÒNG TIỀN PHÂN HÓA

### CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

<b>MUA</b>	Nhà đầu tư tiếp tục chọn lọc các mã vốn hóa vừa phải đang có tín hiệu bật tăng từ nền hỗ trợ cứng với sự tham gia chủ động của dòng tiền và giải ngân từng phần với mục tiêu đầu tư ngắn hạn.
<b>BÁN</b>	Nhà đầu tư có thể xem xét tận dụng các nhịp tăng điểm của thị trường để thực hiện bán chốt lời từng phần các vị thế ngắn hạn trong danh mục, vùng cản quan trọng 1.295-1.305 điểm.

### ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

SSI

MUA

↑ 10,40%

VND27.600

### NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** TTCK Mỹ giảm điểm mạnh trong phiên giao dịch ngày thứ Sáu (21/2), khi dữ liệu kinh tế Mỹ làm dấy lên mối lo ngại về sự giảm tốc của tăng trưởng.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** VN-Index đang duy trì được đà tăng với sự cải thiện tốt của dòng tiền và sự xoay vòng tăng điểm của các nhóm cổ phiếu. Với diễn biến này, chỉ số nhiều khả năng sẽ thử thách vùng kháng cự quanh đỉnh cũ 1.300-1.305 điểm trong các phiên tiếp theo. Do tính chất thị trường phân hóa mạnh giữa các nhóm cổ phiếu, các hoạt động mua trading T+ vẫn có thể xem xét thực hiện khi thị trường và các nhóm cổ phiếu xuất hiện rung lắc.

### Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
<b>Dow Jones</b>	43.428,02	-1,69	2,08
<b>S&amp;P 500</b>	6.013,13	-1,71	2,24
<b>Nasdaq</b>	19.524,01	-2,20	1,10
<b>VIX</b>	18,21	16,28	4,96
<b>DAX</b>	22.287,56	-0,12	11,95
<b>FTSE 100</b>	8.659,37	-0,04	5,95
<b>CAC40</b>	8.154,51	0,39	10,48
<b>Hang Seng</b>	23.347,73	-0,55	16,39

Nguồn: Bloomberg

### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



### Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
<b>Xu hướng VN-Index</b>	BUY	BUY	BUY

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
<b>RSI (14)</b>	68,53	BUY
<b>MACD (12,26)</b>	9,30	BUY
<b>ADX (14)</b>	21,15	BUY
<b>SMA5</b>	1.285,83	BUY
<b>SMA20</b>	1.268,55	BUY
<b>SMA50</b>	1.262,22	BUY
<b>SMA100</b>	1.260,32	BUY
<b>SMA200</b>	1.262,14	BUY

## ĐIỂM TIN CHÍNH

- Cả tuần này, S&P 500 giảm khoảng 1,7%, trong khi Dow Jones và Nasdaq giảm 2,5% mỗi chỉ số.
- Cả tuần, giá dầu Brent giảm 0,4%, trong khi giá dầu WTI giảm 0,5% dù được hỗ trợ bởi thông tin về vụ hỏng một đường ống dẫn dầu lớn nối giữa Nga và Kazakhstan do đường ống này bị Ukraine tấn công bằng thiết bị bay không người lái.
- Để tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP) trên 8% trong năm 2025, nguồn lực đầu tư công được bố trí 875.000 tỷ đồng, cao hơn khoảng 84.300 tỷ đồng so với kế hoạch đã giao trước đó và cao hơn khoảng 194.300 tỷ đồng so với năm 2024.
- Trong tuần từ 17/2-21/2, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã cho các thành viên vay tổng cộng hơn 37.058 tỷ đồng với lãi suất 4% trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá. Cùng thời gian trên, khối lượng đáo hạn lên tới hơn 69.114 tỷ đồng. Như vậy, tổng hút ròng qua kênh này lên tới 32.056 tỷ đồng.
- CTD, FCN:** Ngày 19/2, Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam đã công bố quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 11.5 xây dựng Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành giai đoạn 1. Liên danh trúng thầu là Tổng Công ty Xây dựng số 1 (Mã: CC1) – CTCP Xây dựng Cotecons (Mã: CTD) – CTCP Fecon (Mã: FCN) với giá trúng thầu gần 3.144 tỷ đồng.
- DHA:** HĐQT CTCP Hóa An thông qua nghị quyết về kế hoạch kinh doanh năm 2025 với mục tiêu tổng doanh thu 315,6 tỷ đồng và lãi sau thuế 57,6 tỷ đồng, lần lượt tăng 18% và 50% so với kế hoạch năm trước.
- HAH:** Vận tải Hải An kỳ vọng năm 2025 sẽ có mức doanh thu cao nhất lịch sử, trong khi lợi nhuận chỉ đứng sau mức kỷ lục của năm 2022. Công ty đặt kế doanh thu cả năm nay sẽ đạt 4.243 tỷ đồng và lãi ròng 702 tỷ đồng, tăng lần lượt 5% và 8% so với năm 2024.
- TCM:** CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công vừa công bố kết quả kinh doanh Công ty mẹ tháng 1/2025, với doanh thu 346,3 tỷ đồng, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 26 tỷ đồng, tăng 13%. Cơ cấu doanh thu cho thấy sản phẩm may chiếm tỷ trọng lớn nhất (81%), tiếp theo là vải (13%) và sợi (5%).
- BFC:** HĐQT CTCP Phân bón Bình Điền vừa công bố kế hoạch kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu kinh doanh giảm mạnh so với kết quả năm vừa rồi. Cụ thể, mục tiêu doanh thu hợp nhất dự kiến 7.438 tỷ đồng, giảm 21% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế kỳ vọng đạt 281 tỷ đồng, giảm một nửa so với kết quả năm trước nhưng cao hơn giai đoạn 2022 - 2023.

Nguồn: VPBankS Research

## Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.927,63	-0,29	11,55
Dầu WTI	70,17	-0,33	-2,16
Dầu Brent	74,26	-0,23	-0,51
Than	102,00	-1,45	-18,56
Đồng	9.559,00	-0,05	9,02
Quặng sắt	108,28	-0,07	3,29
Thép	467,50	0,11	-1,74

## Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	106,26	-0,33	-2,05
USD/JPY	149,18	0,06	5,38
USD/CNY	7,2471	0,07	0,72
EUR/USD	1,0517	0,56	1,57
GBP/USD	1,2677	0,36	1,29

## Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	19/03/2025	-0,25
ECB	2,90%	06/03/2025	-0,50
BOE	4,75%	06/02/2025	-0,25
BOJ	0,50%	19/03/2025	0,25
SBV	6,50%	-	-50bp

## Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
HPG	293,13	26.450	-0,38
FPT	754,13	142.000	-0,70
MWG	583,45	58.100	2,47
TCB	233,20	26.500	-0,19
STB	315,43	38.850	0,26

## Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	520.344,40	93.100	1,53
BID	282.108,37	40.900	0,00
CTG	222.854,66	41.500	1,59
FPT	208.891,82	142.000	-0,70
TCB	187.218,57	26.500	-0,19

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

SSI

Khuyến nghị

MUA

Giá hiện tại

25.350

Giá mục tiêu

27.600

Tiềm năng tăng giá

10,40%

Vùng tăng tỷ trọng

24.500–25.000

Ngưỡng cắt lỗ

&lt;23.800

## THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Theo BCTC hợp nhất quý IV/2024, Công ty Chứng khoán SSI có doanh thu và LNTT lần lượt 2.259 tỷ đồng và 547 tỷ đồng. Tính cả năm, doanh thu đạt 8.704 tỷ đồng, vượt 7% kế hoạch; lợi nhuận hợp nhất đạt 3.536 tỷ đồng, vượt 4% kế hoạch.
- Dư nợ cho vay margin đạt hơn 21,8 nghìn tỷ đồng, tăng 48,7% so với thời điểm cuối năm 2023, nâng mức doanh thu cho vay ký quỹ cả năm đạt 2.079 tỷ đồng, tăng 32,6%.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- Cổ phiếu SSI đang tạo vùng tích lũy dưới đường MA100 ngày. Các chỉ báo kỹ thuật và dòng tiền đang cải thiện khá tốt. Do đó, nhà đầu tư có thể canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân đối với SSI, vùng mua dự kiến quanh ngưỡng 24.500–25.000 đồng.

## Thông tin tài chính

	FY2023	FY2024	Q42024
DTT (tỷ đ)	7.158	8.529	2.221
LNTT (tỷ đ)	2.849	3.544	555
LNST (tỷ đ)	2.294	2.845	438
Nợ/VCSH (%)	186	170	170
ROE (%)	10,11	11,39	11,39
ROA (%)	3,78	3,97	3,97
EPS (VNĐ)	1.231,88	1.494,51	1504,82
P/E (lần)	21,42	17,43	16,85
P/B (lần)	2,13	1,92	1,86

Nguồn: VPBankS Research

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



## Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	NEUTRAL	SELL
Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động	
RSI (14)	56,74	BUY	
MACD (12,26)	0,05	BUY	
ADX (14)	13,31	BUY	
SMA5	25.220	BUY	
SMA20	24.950	BUY	
SMA50	25.300	BUY	
SMA100	25.710	SELL	
SMA200	26.130	SELL	

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
<b>Danh mục theo dõi</b>										
<b>Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua</b>										
1	VCI	Mua	33,6-34,6	4/2/2025	34,35	37,45	32			5,68%
2	BID	Nắm giữ	38,6-39,6	6/2/2025	39,6	43,2	37,3			3,16%
3	POW	Nắm giữ	11,4-11,8	12/2/2025	11,8	13	11,2			5,08%

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
2	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
3	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%
4	STB	Chốt lời	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30	18/12/2024	34,2	9,52%
5	VCI	Cơ cấu	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4	7/1/2025	32,5	-2,99%
6	SSI	Cơ cấu	25,5-26	19/12/2024	25,8	28,6	24,8	7/1/2025	25,35	-1,74%
7	PVD	Cắt lỗ	23,3-23,6	13/12/2024	23,3	26	22,4	7/1/2025	22,4	-3,86%
8	DPM	Cắt lỗ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33	10/1/2025	33,5	-4,83%
9	HPG	Cắt lỗ	26-26,5	5/12/2024	26,5	29	25,2	10/1/2025	25,55	-3,58%
10	VPB	Cắt lỗ	18,8-19	17/12/2024	19	20,5	17,9	10/1/2025	18,5	-2,63%
11	TCB	Cắt lỗ	23,5-23,9	19/12/2024	23,8	26,3	22,7	10/1/2025	23,4	-1,68%
12	SZC	Cắt lỗ	41-42	19/12/2024	42	45,8	40	10/1/2025	41	-2,38%
13	HHV	Chốt lời	10,8-11,4	10/1/2024	11,4	12,8	10,5	17/1/2025	12,8	12,28%
14	VCG	Chốt lời	17,7-18,1	14/01/2025	18,1	19,8	17,2	3/2/2025	20	10,50%
15	HPG	Cắt lỗ	26-26,8	5/2/2025	26,8	28,9	25,5	10/2/2025	25,50	-4,8%

Email: [Chienluochitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluochitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



## Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

## TƯ VẤN ĐẦU TƯ

### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị 20/1/2024

MH CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Đỉnh 14	-(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	18-19	-13%-18%
Chốt lời 2:(50%)	21-22	-18-37%
MH CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	45-46	
	(Cổ thế ĐCA ± 41-43)	
Cắt lỗ	Đỉnh 59	-(-5%)
Chốt lời 1:(50%)	72-75	-12%-14%
Chốt lời 2:(50%)	Nằm giữ	
MH CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	-13%-24%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

## CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (lợi nhuận)	+479,500,200 đ (4.15%)

### Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4,439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5,830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

## THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập  
[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)